

Số: 37/TB-CDCT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2019

V/v: Báo cáo thường niên năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

I/ GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cơ điện công trình.**
2. Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
3. Mã chứng khoán: **MES**
4. Điện thoại: 024 39331768/3933225 – Fax: 024 39332225

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1/ Công bố Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Theo đó:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là: -2.943.692.703 đồng
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2018 là: -10.083.023.684 đồng

2/ Giải trình nguyên nhân lỗ:

Doanh thu và thu nhập khác năm 2018 đạt 17.541 triệu/40.000 triệu kế hoạch bằng 43,86% kế hoạch năm. Trong đó:

- Doanh thu từ hoạt động SXKD là 16.342 triệu/40.000 triệu kế hoạch, chiếm 93,16% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2018.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi) là 890 triệu đồng, chiếm 5,07% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2018.
- Thu nhập khác là 215 triệu đồng, chiếm 1,23% tổng doanh thu và thu nhập thực hiện năm 2018.
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đủ bù chi phí quản lý doanh nghiệp mặc dù đã có tiết kiệm triệt để. Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết đến thời điểm báo cáo không được chia cổ tức theo kế hoạch đề ra trong năm 2018.

Thông tin chi tiết được đăng tải trên **Website: mesc.com.vn** và tài liệu đính kèm.

Công ty cổ phần Cơ điện công trình cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Đăng tải Website;
- Lưu: TCHC, TCKT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Cương
Nguyễn Kim Cương



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

20-C
TY
HỮU
VÀ ĐINH
HÀ
TY - T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện công trình (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên
Ông Tô Hữu Chung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)
Ông Cao Tiến Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/10/2018)
Bà Trần Phương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Kim Cương	Tổng giám đốc
Ông Tô Hữu Chung	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/10/2018)
Ông Hoàng Quốc Chung	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/01/2018)
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/10/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH



flau

Nguyễn Kim Cương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số : 202-19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện công trình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị 9.192.029.024 đồng, phải thu khác với giá trị 644.016.625 đồng đã tồn đọng lâu ngày và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho với giá gốc là 2.514.512.012 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản nợ phải thu và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Trong năm, Công ty ghi nhận giá vốn của công trình xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Dương Xá, Kim Sơn, Huyện Gia Lâm bằng với doanh thu được ghi nhận trong năm với giá trị: 7.683.306.455 đồng mà không ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc đã hoàn thành. Với những tài liệu mà công ty cung cấp chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được ảnh hưởng của việc ghi nhận giá vốn nêu trên đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của công ty.

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 với giá trị phải trích lập là 539.891.300 đồng. Nếu thực hiện việc trích lập bổ sung khoản dự phòng như trên thì chỉ tiêu Chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty sẽ tăng lên và Lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi với giá trị tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thu Huyền

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3744-2016-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.527.451.604	65.885.803.540
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	7.707.925.471	19.960.644.275
1 Tiền	111		3.366.348.238	7.261.043.880
2 Các khoản tương đương tiền	112		4.341.577.233	12.699.600.395
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	9.845.538.729	21.561.697.815
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.845.538.729	21.561.697.815
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.846.974.668	18.548.937.114
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	12.379.933.029	10.158.876.031
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.626.488.972	492.069.972
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	7.840.552.667	7.897.991.111
IV Hàng tồn kho	140		5.650.156.755	5.610.653.476
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	5.650.156.755	5.610.653.476
V Tài sản ngắn hạn khác	150		476.855.981	203.870.860
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		291.954.876	18.969.755
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	184.901.105	184.901.105
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.847.042.421	125.143.340.850
I Các khoản phải thu dài hạn	210		21.215.429.167	21.220.429.167
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	21.215.429.167	21.220.429.167
II Tài sản cố định	220		72.891.613.254	74.657.592.553
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	59.455.636.254	61.221.615.553
- Nguyên giá	222		67.469.959.198	67.970.615.750
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.014.322.944)	(6.749.000.197)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	13.435.977.000	13.435.977.000
- Nguyên giá	228		13.435.977.000	13.435.977.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	46.740.000.000	29.265.319.130
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.740.000.000	13.265.319.130
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.000.000.000	16.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.374.494.025	191.029.144.390

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower,
Số 88 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		11.457.517.709	12.168.475.371
I Nợ ngắn hạn	310		10.773.918.749	11.626.764.491
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	7.102.286.944	4.968.210.025
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	3.459.672.966	6.418.999.287
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	-	-
4 Phải trả người lao động	314		-	-
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	192.580.528	214.776.868
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.378.311	24.778.311
II Nợ dài hạn	330		683.598.960	541.710.880
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.13.	683.598.960	541.710.880
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.916.976.316	178.860.669.019
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	175.916.976.316	178.860.669.019
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.000.000.000	186.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.000.000.000	186.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.083.023.684)	(7.139.330.981)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(7.139.330.981)	35.720.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.374.494.025	191.029.144.390

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng



Trần Phương Lan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	16.342.434.176	12.866.806.469
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		16.342.434.176	12.866.806.469
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	14.636.847.739	10.137.705.065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.705.586.437	2.729.101.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	889.921.664	1.681.174.882
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	5.719.295.354	11.530.075.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(3.123.787.253)	(7.119.799.473)
11. Thu nhập khác	31	VI.4.	215.353.670	74.022.847
12. Chi phí khác	32	VI.5.	35.259.120	129.275.173
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		180.094.550	(55.252.326)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	(158)	(386)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Phương Lan



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.672.523.399	1.781.484.612
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(987.374.854)	(1.681.174.882)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.258.544.158)	(7.074.742.069)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.565.988.388)	3.167.372.257
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.503.279)	2.515.391.324
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(705.557.662)	3.498.254.873
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(8.183.852)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.574.993.487)	2.098.092.533
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.909.090	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.200.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.236.205.000	1.721.102.185
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.474.680.870)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		569.841.463	1.681.174.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.677.725.317)	3.402.277.067
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(12.252.718.804)	5.500.369.600
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.960.644.275	14.460.274.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	7.707.925.471	19.960.644.275

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng

Hau

Trần Phương Lan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện công trình theo Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106190 ngày 04/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0100106190 thay đổi lần thứ 10 ngày 07/04/2016 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **186.000.000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng*).

Trong đó, Nhà nước góp **183.938.000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi ba tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng*), chiếm 98,89%.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là MES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và dịch vụ thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công ích;

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;

Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;

Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái; Quản lý công viên, cây xanh; Chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước; Quản lý chung cư; Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;

Trụ sở Công ty tại: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Bất động sản Sài Đồng có trụ sở chính tại phố Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kinh doanh bất động sản. Tại ngày 31/12/2018, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty này là 15,37%, tỷ lệ quyền góp vốn là 13,65% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 29%.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày phát sinh hoạt động tiền gửi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty không xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty không xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Công ty chưa thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định khác là vườn cây lâu năm có nguyên giá là: 651.085.030 đồng.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của công ty là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sàn văn phòng có giá trị 13.435.977.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Cơ điện công trình ký Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTKD ngày 05/04/2011 với Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương về việc góp vốn đầu tư xây dựng Dự án tại khu đất có diện tích 149.566 m² thuộc xã Tà Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này do Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình - nay là Công ty CP Cơ điện công trình được UBND Thành phố Hà Nội giao làm chủ đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải cho thành phố, nhưng đến nay việc xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại đây là không còn phù hợp. UBND Thành phố Hà Nội đã có chủ trương cho phép Công ty nghiên cứu đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang dự án mới phù hợp với quy hoạch. Theo Hợp đồng liên danh này, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương góp 49% tổng vốn đầu tư. Phần vốn góp 51% tổng vốn đầu tư của Dự án bao gồm vốn góp của Công ty và vốn của các đối tác khác do Công ty huy động, trực tiếp ký kết. Khoản lợi nhuận làm cơ sở để tính lợi tức là khoản lợi nhuận mà Dự án có được, trừ đi các khoản nộp nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định hiện hành và chi phí hợp lý khác (nếu có). Các Bên được hưởng lợi tức theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng. Trên thực tế, đến thời điểm 31/12/2018, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương chưa thực hiện việc góp vốn đầu tư dự án. Giá trị khoản vốn góp tương đương với 49% của Công ty này là 21.050.429.167 đồng được Công ty ghi nhận là khoản phải thu dài hạn khác tương ứng với phần vốn góp Chủ sở hữu được phê duyệt theo Quyết định Cổ phần hóa 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, thương mại và cho thuê dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền	3.366.348.238	7.261.043.880
Tiền mặt	46.769.136	59.321.118
Tiền gửi ngân hàng	3.319.579.102	7.201.722.762
Các khoản tương đương tiền	4.341.577.233	12.699.600.395
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	4.341.577.233	10.625.093.913
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	-	2.074.506.482
Cộng	7.707.925.471	19.960.644.275

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đống Đa	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	1.200.000.000	1.200.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	5.645.538.729	5.645.538.729	5.361.697.815	5.361.697.815
Cộng	9.845.538.729	9.845.538.729	21.561.697.815	21.561.697.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Bất động sản Sài Đồng (*)	30.740.000.000	-	13.265.319.130	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (**)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
Cộng	46.740.000.000	-	29.265.319.130	-

Các khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

(*) Công ty CP BĐS Sài Đồng

31/12/2018

- Tỷ lệ góp vốn	15,37%
- Quyền góp vốn	13,63%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	29%
- Tóm tắt tình hình	

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản.

Tại ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính của Công ty CP bất động sản Sài Đồng bị lỗ nhưng công ty không trích lập dự phòng.

() Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí**

31/12/2018

- Tỷ lệ góp vốn	8%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	8%
- Tóm tắt tình hình	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102354784 cấp thay đổi lần 10 ngày 27/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng). Tại ngày 31/12/2018, Công ty đầu tư vào Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí 16.000.000.000 đồng (mười sáu tỷ đồng), tương đương 8,00% vốn điều lệ.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính của Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí có lãi nên công ty không phải trích lập dự phòng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ban quản lý dự án đầu tư Xây dựng quận Hoàng Mai	1.069.489.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	1.632.621.200	-	-	-
Ban Quản lý Dự án Quận Long Biên	1.885.175.000	-	1.885.175.000	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8	1.690.837.405	-	1.690.837.405	-
Công ty CP Tập đoàn Cienco 4	950.913.524	-	814.002.119	-
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	821.650.000	-	821.650.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng 808	628.878.915	-	628.878.915	-
Các đối tượng khác	3.700.367.985	-	4.318.332.592	-
Cộng	12.379.933.029	-	10.158.876.031	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Lâm Viên Việt Nam	211.521.000	211.521.000
Công ty CP Thăng Lợi	898.509.472	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	149.000.000	149.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại cơ điện Tân Phú	291.500.800	-
Công ty CP Xây dựng và Cây xanh đô thị An Viên	426.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Phát triển thương mại Hatec	358.200.000	-
Các đối tượng khác	291.757.700	131.548.972
Cộng	2.626.488.972	492.069.972

5. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.840.552.667	-	7.897.991.111	-
Tạm ứng	886.697.737	-	974.263.225	-
Hoàng Thị Trang	119.432.687	-	132.432.687	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đặng Thị Hà	168.799.435	-	248.855.000	-
Vũ Quang Huy	107.593.183	-	117.700.501	-
Các đối tượng khác	490.872.432	-	475.275.037	-
Phải thu khác	6.953.854.930	-	6.923.727.886	-
Phải thu Ban quản lý dự án (i)	6.095.935.282	-	6.095.935.282	-
Phải thu từ tạm ứng của CBCNV (ii)	644.016.625	-	644.016.625	-
Phải thu BHXH của người lao động	66.393.368	-	55.980.047	-
Thuế GTGT không được khấu trừ (iii)	127.795.932	-	127.795.932	-
Phải thu khác	19.713.723	-	-	-
b) Dài hạn	21.215.429.167	-	21.220.429.167	-
Phải thu khác	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
Công ty Cổ phần Phát triển tài nguyên Đông Dương (iiii)	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	165.000.000	-	170.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS	-	-	5.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh dịch vụ SDU	165.000.000	-	165.000.000	-
Cộng	29.055.981.834	-	29.118.420.278	-

(i) Các chi phí liên quan đến việc thực hiện chủ trương nghiên cứu, lập Dự án "Đầu tư Khu đô thị sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao" tại xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này thuộc Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải do Công ty làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, do dự án không còn phù hợp nên khu đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Nhà máy xử lý rác thải được tập hợp lại và sau này sẽ được phân bổ cho cả các Bên theo Hợp đồng liên danh hoặc sẽ được bên thứ ba quyết toán nếu mảnh đất được điều chuyển cho dự án khác do bên khác đầu tư.

(ii) Đây là khoản tạm ứng của CBCNV đã nghỉ việc. Cụ thể:

Công nợ ông Phạm Thanh Sơn: 560.340.000 đồng. Đây là khoản công nợ đã phát sinh từ năm 2002 khi ông Cao Văn Sơn (Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình) ký Hợp đồng mua đất của ông Nguyễn Hữu Bằng qua tạm ứng của ông Phạm Thanh Sơn - nhân viên Công ty. Ông Phạm Thanh Sơn đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2005. Khoản công nợ này đã được bàn giao giữa Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình (Cao Văn Sơn) và Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Công trình (Nguyễn Quốc Đàm) khi bàn giao chuyển đổi Công ty năm 2005. Khoản công nợ trên hiện khó có khả năng thu hồi.

Công nợ ông Nguyễn Tiến Thanh: 83.676.625 đồng. Khoản công nợ trên phát sinh từ năm 2005 khi ông Nguyễn Tiến Thanh là nhân viên Xi nghiệp Gạch. Tháng 10/2007 ông Nguyễn Tiến Thanh đã tự nghỉ việc tại Công ty khi bị Công ty kỷ luật vì thu tiền nợ mua gạch của khách hàng nhưng không nộp về Công ty. Khoản công nợ của ông Nguyễn Tiến Thanh không có khả năng thu hồi.

(iii) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào của hàng hóa đến thời hạn Công ty chưa thanh toán treo lại lúc thanh toán sẽ được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(iiii) Khoản phải thu của Công ty CP Phát triển Tài nguyên Đông Dương theo Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTĐT ngày 05/04/2011 về hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dự án Tổ hợp công trình sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khoản phải thu này đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

6. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	9.192.029.024	9.192.029.024	6.174.677.349	6.174.677.349
Ban quản lý Dự án Quận Long Biên	1.885.175.000	1.885.175.000	-	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8	1.690.837.405	1.690.837.405	1.690.837.405	1.690.837.405
Công ty TNHH Nhà nước MTV Cơ khí Hà nội	164.609.800	164.609.800	164.609.800	164.609.800
Công ty CP Thương mại Huy Phương	135.008.393	135.008.393	135.008.393	135.008.393
Công ty CP Xây lắp cơ giới và Đầu tư Thương mại Constrexim	250.010.025	250.010.025	250.010.025	250.010.025
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 1	109.302.313	109.302.313	109.302.313	109.302.313
Ban Quản lý Dự án giao thông đô thị	158.699.354	158.699.354	158.699.354	158.699.354
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	821.650.000	821.650.000	821.650.000	821.650.000
Công ty CP Tập đoàn Cienco 4	814.002.119	814.002.119	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam - Xí nghiệp xây lắp số 2	336.151.699	336.151.699	336.151.699	336.151.699
UBND Huyện Mỹ Đức	253.283.572	253.283.572	-	-
Công ty TNHH Nhạc Sơn	155.525.305	155.525.305	155.525.305	155.525.305
Công ty TNHH Xây dựng Tone Việt Nam	137.461.447	137.461.447	137.461.447	137.461.447
Công ty CP TRACO 18	205.686.600	205.686.600	205.686.600	205.686.600
Xí nghiệp Xây dựng 60 - Công ty Xây lắp 665	472.037.400	472.037.400	472.037.400	472.037.400
Công ty CP Đầu tư xây dựng 808	628.878.915	628.878.915	628.878.915	628.878.915

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Xí nghiệp Xây dựng công trình 30 - Công ty Xây dựng công trình 56	147.775.000	147.775.000	147.775.000	147.775.000
Xí nghiệp xây lắp	119.947.840	119.947.840	119.947.840	119.947.840
Các đối tượng khác	705.986.837	705.986.837	641.095.853	641.095.853
Phải thu khác	644.016.625	644.016.625	644.016.625	644.016.625
Phạm Thanh Sơn	560.340.000	560.340.000	560.340.000	560.340.000
Nguyễn Tiến Thanh	83.676.625	83.676.625	83.676.625	83.676.625
Cộng	9.836.045.649	9.836.045.649	6.818.693.974	6.818.693.974

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	154.222.262	-	150.022.282	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.193.278	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.135.644.743	-	2.917.132.017	-
Thành phẩm	109.995.491	-	260.264.947	-
Hàng hóa	2.250.294.259	-	2.282.040.952	-
Cộng	5.650.156.755	-	5.610.653.476	-

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị quyền sử dụng trong tương lai (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Số dư ngày 31/12/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Tại ngày 31/12/2018	13.435.977.000	13.435.977.000

(*) Là giá trị quyền sử hữu 1.000 m2 sàn văn phòng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

(*) Và giá trị toàn bộ diện tích sàn tầng 8, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, địa chỉ tại số 88 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội với diện tích là 1.098 m2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2018	62.269.514.534	4.884.173.459	165.842.727	651.085.030	67.970.615.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(500.656.552)	-	-	(500.656.552)
Số dư ngày 31/12/2018	62.269.514.534	4.383.516.907	165.842.727	651.085.030	67.469.959.198
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2018	3.631.083.620	2.978.290.378	139.626.199	-	6.749.000.197
Khấu hao trong năm	1.236.094.752	413.852.130	22.576.517	-	1.672.523.399
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.200.652)	-	-	(407.200.652)
Số dư ngày 31/12/2018	4.867.178.372	2.984.941.856	162.202.716	-	8.014.322.944
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	58.638.430.914	1.905.883.081	26.216.528	651.085.030	61.221.615.553
Tại ngày 31/12/2018	57.402.336.162	1.398.575.051	3.640.011	651.085.030	59.455.636.254

(*) Chi phí Giải phóng mặt bằng là tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến việc bồi thường hoa màu cho bà con nông dân và GPMB khu đất thuộc dự án Xây dựng Nhà máy rác. Các chi phí này đã được Nhà nước quyết toán và được bàn giao cho CTCP Cơ điện Công trình quản lý cùng với lô đất. Đây là tài sản công ty được giao quản lý nên không phải tài sản thực của đơn vị, đơn vị không có quyền quyết định việc sử dụng khu đất. Do đó, Công ty không phải trích khấu hao đối với tài sản này.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 81.842.727 VND (tại ngày 31/12/2017 là: 0 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Sản xuất và Dịch vụ cảnh quan Minh Khôi	1.986.704.852	1.986.704.852	-	-
Công ty TNHH Ngọc Khánh	863.927.971	863.927.971	863.927.971	863.927.971
Công ty TNHH Xuân Vinh	713.021.900	713.021.900	713.021.900	713.021.900
Các đối tượng khác	3.538.632.221	3.538.632.221	3.391.260.154	3.391.260.154
Cộng	7.102.286.944	7.102.286.944	4.968.210.025	4.968.210.025

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	2.207.535.900	5.483.000.000
Công ty CP Hóa dầu Quân đội - MIPEC	332.254.800	332.254.800
Cty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị	275.555.000	-
Các đối tượng khác	644.327.266	603.744.487
Cộng	3.459.672.966	6.418.999.287

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	-	57.725.457	57.725.457	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	86.023.064	86.023.064	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	146.748.521	146.748.521	-
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.183.852	-	-	8.183.852
Thuế thu nhập cá nhân	176.717.253	-	-	176.717.253
Cộng	184.901.105	-	-	184.901.105

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	192.580.528	214.776.868
Hà Minh Nguyệt	-	22.196.340
Đối tượng khác	192.580.528	192.580.528
b) Dài hạn	683.598.960	541.710.880
Nhận ký quỹ ký cược	683.598.960	541.710.880
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	129.200.000	129.200.000
Chi nhánh Công ty CP Tin học Lạc Việt tại thành phố Hà Nội	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH JECC Việt Nam	112.568.400	112.568.400
Công ty CP xuất nhập khẩu Newtechco	-	117.900.480
Công ty CP Brics Việt Nam	164.888.560	-
Các đối tượng khác	211.942.000	117.042.000
Cộng	876.179.488	756.487.748

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND	
		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	186.000.000.000	35.720.818	186.035.720.818
Lỗi trong năm trước	-	(7.175.051.799)	(7.175.051.799)
Số dư tại ngày 31/12/2017	186.000.000.000	(7.139.330.981)	178.860.669.019
Lỗi trong năm nay	-	(2.943.692.703)	(2.943.692.703)
Số dư tại ngày 31/12/2018	186.000.000.000	(10.083.023.684)	175.916.976.316

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của nhà nước	183.938.000.000	183.938.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	2.062.000.000	2.062.000.000
Cộng	186.000.000.000	186.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp đầu năm	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp cuối năm	186.000.000.000	186.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.600.000	18.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2018	01/01/2018
Dollar Mỹ (USD)	954,68	957,98
Euro (EUR)	323,49	326,22

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng	36.892.800	21.029.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.305.541.376	12.845.776.979
Cộng	16.342.434.176	12.866.806.469

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	28.288.219	20.022.637
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.608.559.520	10.117.682.428
Cộng	14.636.847.739	10.137.705.065

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	889.921.664	1.681.174.882
Cộng	889.921.664	1.681.174.882

4. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	117.900.480	73.416.972
Thu nhập từ thanh lý tài sản	97.453.190	605.875
Cộng	215.353.670	74.022.847

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	4.800.120	129.275.096
Chi phí khác	30.459.000	77
Cộng	35.259.120	129.275.173

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.467.522.930	6.315.006.042
Chi phí vật liệu quản lý	150.269.456	123.421.851
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.193.278	55.677.105
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	521.708.735	1.647.310.836
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	20.686.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.125.289	379.982.984
Chi phí bằng tiền khác	2.089.475.666	2.987.990.933
Cộng	5.719.295.354	11.530.075.759

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.972.341.444	4.633.837.023
Chi phí nhân công	4.625.557.927	9.738.299.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.672.523.399	1.781.744.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.508.121.689	3.597.731.175
Chi phí khác bằng tiền	2.442.051.450	3.269.298.819
Cộng	21.220.595.909	23.020.910.985

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.943.692.703)	(7.175.051.799)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.600.000	18.600.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(158)	(386)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi nhập gốc tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	320.045.914	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	34.287	-

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	188.823.643	470.227.272
Cộng	188.823.643	470.227.272

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công nợ tài chính	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.707.925.471	19.960.644.275
Nợ thuần	(7.707.925.471)	(19.960.644.275)
Vốn chủ sở hữu	175.916.976.316	178.860.669.019
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.707.925.471	19.960.644.275
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.435.914.863	39.277.296.309
Các khoản đầu tư tài chính	25.845.538.729	37.561.697.815
Cộng	74.989.379.063	96.799.638.399
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.978.466.432	5.724.697.773
Cộng	7.978.466.432	5.724.697.773

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.294.867.472	683.598.960	7.978.466.432
01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.182.986.893	541.710.880	5.724.697.773

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.707.925.471	-	7.707.925.471
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.220.485.696	21.215.429.167	41.435.914.863
Các khoản đầu tư tài chính	9.845.538.729	16.000.000.000	25.845.538.729
01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.960.644.275	-	19.960.644.275
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.056.867.142	21.220.429.167	39.277.296.309
Các khoản đầu tư tài chính	21.561.697.815	16.000.000.000	37.561.697.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cơ điện công trình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng

Trần Phương Lan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương